

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Sóc Sơn - Địa chỉ: Số nhà 36 Đường Đa Phúc, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam. - Mã số thuế: 0100101114-011 - Tài khoản: 3160201004863 - tại Ngân hàng AGRIBANK - Chi nhánh Sóc Sơn; - SĐT: 024 35810298
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: <b>Lắp đặt bổ sung thiết bị đóng cắt trung áp có chức năng giám sát và điều khiển từ xa trên lưới điện huyện Sóc Sơn năm 2025 - đợt 2</b>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: <b>Thành phố Hà Nội.</b> <i>Được xác định trong bản vẽ số: File khác đính kèm</i>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 60 ngày kể từ ngày khởi công
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 60 ngày
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: chủ đầu tư bàn giao xây dựng
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là:
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: Số nhà 36, đường Đa Phúc, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội. Địa chỉ: Số nhà 36 Đường Đa Phúc, Xã Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam - Tư vấn giám sát là: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Điện lực Hà Nội. Địa chỉ: Số 115 đường Nguyễn Tam Trinh, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Thư chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng; 2. E-HSMT của Nhà thầu; 3. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng; 4. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục; 5. Thông số kỹ thuật; 6. Bản vẽ; 7. Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu; 8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có). Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường.
<b>E-ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực

	<p>trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong</p> <p>Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>Bảo đảm thực hiện HĐ</b> sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>03 ngày</b>, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>05 ngày</b>, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
<b>E-ĐKC 8.11</b>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>03 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<b>E-ĐKC 9.3</b>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>05 ngày</b>, ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].</p>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>25%</b> giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].</p>

<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <b>Không áp dụng</b>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: Nhà thầu phải xuất trình bằng chứng về việc mua bảo hiểm theo quy định tại Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015, Nghị định 20/2022/NĐ-CP ngày 10/03/2022 và Thông tư 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 trước khi khởi công công trình. Bảo hiểm phải có hiệu lực kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình. Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình: 2 năm tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: <b>TP Hà Nội</b>
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <b>Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực</b>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng.</li> <li>- Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ.</li> </ul> <p>Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được toà án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: _____ [ghi ngày dự định khởi công].</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [ghi ngày hoàn thành dự kiến].</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>05 ngày</b> từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết:</li> <li>+ Tiến độ tuần: trước 16h00 thứ 5 hàng tuần.</li> <li>+ Tiến độ tháng: trước 16h00 ngày mùng 05 hàng tháng.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 2% giá trị hợp đồng.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian dự kiến;</li> <li>Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ;</li> <li>Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</li> </ul> </li> <li>Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.</li> <li>Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.</li> </ol>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.</li> <li>Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</li> <li>Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</li> </ol>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	<p>Loại hợp đồng: <i>Đơn giá cố định</i></p>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	<p>Giá hợp đồng: <i>Cố định</i></p> <p><i>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ đầu tư đưa ra các nội dung để xác định giá trị thanh toán trên cơ sở kết quả đầu ra như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu cầu về chất lượng đầu ra và mức độ chất lượng có thể chấp nhận được;</li> <li>+ Biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích);</li> <li>+ Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</li> <li>+ Các nội dung cần thiết khác.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạm ứng 20% giá hợp đồng đối với đối với hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng. Giá trị tạm ứng hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng, khi Bên A nhận được các chứng từ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B;</li> <li>Biên bản bàn giao mặt bằng thi công (bàn giao toàn bộ hoặc bàn giao từng phần).</li> <li>Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương theo Mẫu số 16 đã nêu trong E-HSMT.</li> </ul> </li> </ul>

	<p>- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.</p> <p>Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực.</p> <p>Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo mẫu số 15 đã nêu trong E-HSMT. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng</p>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: 14 ngày (<i>trừ trường hợp có yêu cầu/ yếu tố khác của nhà tài trợ</i>) kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>Phương thức thanh toán:  <i>(Lựa chọn 1 trong 2 phương thức khi hoàn thiện ký kết hợp đồng)</i></p> <p>i. Thanh toán theo giai đoạn:</p> <p>✓ Thanh toán giai đoạn: Bên A sẽ thanh toán giai đoạn cho bên B theo tỷ lệ phần trăm giá trị hợp đồng (hoặc 80% giá trị phần khối lượng đã thi công) theo điểm dừng kỹ thuật được 2 bên thống nhất và được nghiệm thu, với điều kiện bên B phải cung cấp đầy đủ các chứng từ được nêu dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế (nếu có) và đại diện bên nhận thầu. Biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công</li> </ul>

	<p>việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết (áp dụng đối với hợp đồng trọn gói);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;</li> <li>- Công văn đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</li> <li>- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp theo qui định.</li> </ul> <p>✓ Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng).</p> <p>✓ 5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm quyền. ii. Không thanh toán theo giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định (<i>như mục “Thanh toán theo giai đoạn”</i>) và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị</li> </ul>
<b>E-ĐKC 45</b>	Điều chỉnh thuế: <i>được phép</i>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phản tiên giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại <i>NĐ 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 được sửa đổi, bổ sung theo NĐ 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và các quy định liên quan.</i></li> <li>2. Khối lượng công việc điều chỉnh phải được xem xét kỹ lưỡng, thống nhất bằng biên bản giữa Chủ đầu tư/Bên mời thầu, nhà thầu đang thực hiện gói thầu, nhà thầu tư vấn thiết kế và các đơn vị liên quan trên nguyên tắc đảm bảo hạng mục phát sinh hợp lý, đồng bộ với phần công việc thuộc hợp đồng đã ký.</li> <li>3. Khối lượng bổ sung tăng và khối lượng giảm (không phải thực hiện) được so sánh đối với từng khối lượng công việc tương ứng trong Bảng tổng hợp khối lượng công việc</li> <li>4. Để kịp thời thi công hoàn thành các nội dung công việc điều chỉnh bổ sung, phù hợp thực tế hiện trường, lịch đóng cát điện được duyệt, thời gian cấp phép, nhà thầu được phép thực hiện thi công nội dung công việc bổ sung khi có chấp thuận của Chủ đầu tư. Phụ lục hợp đồng có thể được lập một lần khi đã tổng hợp đầy đủ giá trị điều chỉnh bổ sung</li> </ol>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <b>50%</b> giá trị giảm giá hợp đồng.

<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt: Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Nhà thầu: nếu chậm tiến độ 7 ngày thì phạt 0,5% giá hợp đồng cho 7 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm</li> <li>-Mức khấu trừ cho giá trị phần công việc hoặc giá trị phần hợp đồng chậm thực hiện do lỗi chủ quan của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Mức khấu trừ/ 1 lần = 10% x giá trị công việc thực hiện theo lần/ số lần đăng ký cắt điện đã được duyệt.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên; <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu cầu khác (nếu có)</li> </ul> </li> </ul> <p>* Mức khấu trừ tối đa: 12% giá hợp đồng bị vi phạm.</p> <p><b>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.</b></p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình</li> <li>- Bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt,...an toàn, phòng cháy chữa cháy, môi trường</li> </ul>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	<p>Thưởng hợp đồng: <b>không áp dụng</b></p>
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 54</b>	<p>Thời gian bàn giao công trình: <i>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong vòng 05 ngày kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình</i></p>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng</i></p>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	<p>Số tiền giữ lại: 235.266.406 đồng (tương ứng 5% giá trị hợp đồng). Số tiền này sẽ được xác định lại sau khi ký kết hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 05 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>